

Số: .../KH-THNL

Nam Lợi, ngày 20 tháng 08 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2025 -2026

I.CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2020 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.
- Thông tư 03/2018/TT- GD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật.
- Thông tư 10/2025/TT- BGDĐT quy định về phân quyền, phân cấp và thẩm quyền quản lý giáo dục phổ thông của chính quyền địa phương;
- Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025 – 2026;
- Quyết định số 426 /QĐ-UBND tỉnh ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành khung kế hoạch đối với Mầm non, Giáo dục phổ thông, GDTX năm học 2025-2026;
- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong CTGDPT 2018 từ năm 2020-2021;
- Công văn 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019- 2020;
- Công văn 4567/BGDĐT-GDPT hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;
- Công văn số 455/SGDĐT- GDTH ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục tỉnh Ninh Bình về việc dạy 2 buổi/ngày.
- Công văn 1315/BGDĐT- GDTH năm 2020 hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;
- Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;
- Thông tư 08/20224/TT-BGDĐT hướng dẫn lồng ghép môn giáo dục Quốc phòng An ninh trong trường tiểu học, THCS, THPT có nhiều cấp;
- Công văn 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học;
- Quyết định số .../QĐ-UBND, ngày của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh

Ninh Bình về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ công văn số/ UBND xã Nam Ninh ngày ... tháng 8 năm 2025 về việc Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2025 - 2025 các bậc học trong xã Nam Ninh;

Trường Tiểu học Nam Lợi lập Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026, như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.1. Thuận lợi

- Nam Ninh là một xã mới sáp nhập các xã Nam Hoa, Nam Hải, Nam Lợi, Nam Thanh có bề dày truyền thống cách mạng và hiếu học. Các đảng bộ của xã cũ nhiều năm liền đạt Đảng bộ “vững mạnh”. Đảng bộ và nhân dân Nam Ninh trong những năm gần đây đã có nhiều cố gắng vươn lên, đạt được nhiều thành tựu trong thời kì đổi mới. Nhận thức của cán bộ, nhân dân về giáo dục ngày càng sâu sắc.

- Về hệ thống giáo dục xã gồm có 12 trường : 04 trường THCS, 04 trường tiểu học, 04 trường Mầm non. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ ở các thôn xóm, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực.

- Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả cao, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học đầu năm học nhà trường được Phòng Giáo dục, UBND xã xây dựng nâng cấp các phòng học cho các trường đặc biệt là khu TH Nam Hoa, THCS Nam Thanh. Từng bước quan tâm xây dựng đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trong toàn xã.

- Nhà trường nhận được sự phối hợp của giáo dục kỹ năng An toàn PCCC, kỹ năng an toàn khi đến trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

- Cha mẹ học sinh quan tâm tới phong trào giáo dục của nhà trường. Đa số phụ huynh nhận thức đúng đắn về chương trình GDPT 2018

- Hiện nay, địa phương trong xã đã được công nhận nông thôn mới nâng cao, đây cũng là thời cơ để các nhà trường được quan tâm, đầu tư mọi mặt.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cũng như công tác chuyên môn nên đã cơ bản tạo tiền đề tốt cho các hoạt động của nhà trường.

1.2. Khó khăn

Là năm học đầu tiên thực hiện chính quyền 2 cấp, sáp nhập 4 xã Nam Thanh, Nam Lợi, Nam Hải, Nam Hoa thành xã Nam Ninh.

- Còn một bộ phận nhỏ cha mẹ học sinh chưa có nhận thức đúng về mục tiêu của giáo dục tiểu học, chưa quan tâm giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống mà chỉ chú ý đến điểm số, chú ý đến thành tích của các môn học (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) của học sinh.

- Vì điều kiện kinh tế khó khăn, nên một số phụ huynh học sinh ngoài nông nghiệp còn phải đi làm ăn xa lúc nông nhàn nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà

trường còn có hạn chế.

- Là một xã mới sáp nhập 4 xã cũ lại nên kinh phí chưa thể kịp thời cho các trường nhưng lãnh đạo cấp xã rất quan tâm đến nền giáo dục xã nhà.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về học sinh

Quy mô phát triển năm học 2025 - 2026 như sau:

Khối lớp	ĐT1			ĐT2			Tổng số				Ghi chú
	Lớp	HS	B.Q	Lớp	HS	B.Q	Lớp	HS	Nữ	BQ	
Lớp 1	2	70	35	2	40	20	4	110	43	27,5	
Lớp 2	2	73	37	1	33	33	3	106	55	35,3	
Lớp 3	3	91	30,3	2	46	23	5	137	70	27,4	
Lớp 4	2	76	38	1	34	34	3	110	53	36,6	
Lớp 5	2	69	34,5	2	44	22	4	113	50	28,3	
Cộng	11	379	33,5	8	197	33,5	19	576	271	30,3	

Nhà trường có số lượng học sinh/ lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. 100% học sinh tham gia học 2 buổi/ngày. Học sinh có ý thức học tập tốt, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân và các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

2.1.2. Đội ngũ

Thuận lợi: Nhà trường có tổng số 36 cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm: 3 cán bộ quản lý, 29 giáo viên, 4 nhân viên. Trong đó có 19 giáo viên văn hóa (1GV hợp đồng)10 giáo viên dạy các môn chuyên là giáo viên biên chế(1GV hợp đồng), 2 giáo viên GDTC, 2 giáo viên dạy tiếng Anh(1GV hợp đồng), 2 giáo viên dạy môn âm nhạc, 2 giáo viên dạy môn Mỹ thuật, 2 giáo viên dạy môn Tin học. Tỷ lệ giáo viên trên lớp là 1,52(29 giáo viên/19 lớp), cơ cấu giáo viên tương đối hợp lý, trong đó trình độ đại học là 28/29 chiếm 96,6%. Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề; luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau, gắn bó với trường, lớp. Đây là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên, tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

Cụ thể:

ST T	CB-GV-NV	Tổng số	Nữ	ĐV	Trình độ			Số lượng cần bổ sung
					ĐH	CD	TC	
1	CBQL	3	3	3	3			
	- Hiệu trưởng	1	1	1	1			

	- P.hiệu trưởng	2	2	2	2			
2	GIÁO VIÊN	29	27	18	24	2	2	3
	- GV văn hóa	19	19	14	18	1		1
	- GV âm nhạc	2	2	2	2			
	- GV M.thuật	2	2	0	1	1		
	- GV GDTC	2	1	0	2			
	- GV T.Anh	2	1	1	2			1
	- GV tin học	2	2	1	2	0		
3	NHÂN VIÊN	4	3	3	2	1	2	
	- NV kế toán	1	1	1	1		0	
	- NV Y tế	2	1	1			2	
	- NV V.phòng	1	1	1	1			

Khó khăn: Còn thiếu 1 GVVH, 1GV dạy môn Tiếng Anh,; còn 1 GV chưa đạt chuẩn theo luật GD cuối năm học về hưu .

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Là trường đã đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1, KĐCL giáo dục cấp độ II, đạt Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, thư viện tiên tiến nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

- Trường có đủ phòng học đảm bảo mỗi lớp 1 phòng, 100% bàn ghế các lớp học là bàn 2 chỗ ngồi. Các phòng học được trang trí các góc đảm bảo cho việc tổ chức dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. 100% phòng có hệ thống ti vi, máy chiếu kết nối Internet thuận tiện cho việc khai thác thông tin và tổ chức các hoạt động dạy- học đạt hiệu quả.

- Có đầy đủ phòng chức năng, các khu sinh hoạt chung: Nhà xe, công trình phụ, hệ thống nước sạch, điện vệ sinh, môi trường cảnh quan trường học, kang trang, sạch sẽ có hệ thống cây bóng mát, cây cảnh, sân chơi, bãi tập, vườn thực nghiệm sắp xếp khoa học, hợp lý đủ diện tích cho học sinh học tập và vui chơi.

Khó khăn: Nguồn kinh phí dành cho nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế. Còn nhiều bàn ghế học sinh chưa đạt đúng tiêu chuẩn.

Cụ thể:

Nội dung	Điểm trường 1	Điểm trường 2
Xây dựng chuẩn	Đạt chuẩn QG mức độ 1; Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; Thư viện tiên tiến; Kiểm định chất lượng mức độ 2 tháng 5/2021	
Diện tích	Hiện có: 8781 m ² . Bình quân 22,4 m ² /HS.	Hiện có: 6570m ² . Bình quân 33,2 m ² /HS.
Phòng học theo lớp	11phòng/11lớp. Đủ	7 phòng/7 lớp. Đủ
Phòng bộ môn	01 phòng Tiếng anh; 01 Tin học: 1 phòng Âm nhạc, 1 phòng Mỹ thuật	01 phòng (Tiếng anh: 01; Tin học: 01, Âm nhạc :01;

		1 phòng Mỹ thuật)
Phòng chức năng	07 phòng (Hội đồng,Thư viện, Thiết bị, Hiệu trưởng, Hiệu phó, Y tế, Đội, Bảo vệ)	07 phòng (Hội đồng, Thiết bị, Hiệu trưởng, Hiệu phó, phòng Đội,Y tế, Bảo vệ)
Thiết bị đồ dùng	Hiện có: 15 ti vi và 01 máy chiếu; 21 máy tính có kết nối mạng internet (Trong đó: 04 máy tính+ 04 máy in; phòng Tin học: 16 máy tính, phòng Tiếng Anh 1 máy tính.	Hiện có: 7 ti vi và 03 máy chiếu trang bị cho 2 phòng học; phòng tin học có 8 máy tính có kết nối mạng internet.
Kế hoạch bổ sung	Thiết bị dạy học cho lớp 1+2+3+4+5	Thiết bị dạy học cho lớp 1+ 2+3+4+5

2.1.4. Các điều kiện khác

-Năm học 2021-2022 trường được Sở giáo dục đánh giá công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1, đạt thư viên tiên tiến, đạt Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn.

- Là trường có chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu của huyện. Nhiều năm liền, nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, giao lưu, cấp huyện thi điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cờ vua, hùng biện tiếng Anh, IOE, giới thiệu sách, Violympic, toán tuổi thơ, giải toán qua thư, viết chữ đúng và đẹp,... Nhà trường rất tích cực nghiên cứu áp dụng nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, mô hình dạy học tiến tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh.đặc biệt năm học 2024-2025 có 1 HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác hồ cấp huyện, cấp tỉnh.

- Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp như: dạy giáo dục địa phương, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo CTGDPT 2018, giáo dục STEM, dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 5, dạy Tin học, công nghệ lớp 3, 4, 5 theo chương trình GDPT 2018. Tổ chức lồng ghép các nội dung: Giáo dục stem, ANQP, giáo dục địa phương, Quyền trẻ em, ATGT, Công dân số,... vào các môn học. Tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read, tổ chức các hoạt động theo mô hình trường học mới, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ... và đã thu được nhiều kết quả khả quan..... Đây là điều kiện rất thuận lợi để nhà trường tiếp tục thực hiện và triển khai thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Điểm yếu

2.2.1. Về học sinh

Còn có 03 học sinh lớp thuộc diện đặc biệt khó khăn. Rải rác ở các lớp đều có học sinh có biểu hiện của trẻ tăng động, giảm chú ý, trẻ tự kỷ nhưng chưa được công nhận là trẻ khuyết tật.

2.2.2. Về đội ngũ

Vẫn còn 1 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo so với quy định mới tại Điều lệ trường tiểu học năm 2020, GV vừa phải dạy, vừa phải học nâng cao trình độ.

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ, tin

học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Vẫn còn giáo viên, nhân viên là lao động hợp đồng, thu nhập thấp nên chưa yên tâm công tác.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn nhiều người ở xa (có 2 đ/c nhà cách trường 15 km).

2.2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Khu Nam Lợi công trình đã nâng cấp sân chơi cho học sinh tháng 9 đầu năm học 2024-2025. Khu Nam Quan xây tường rào và kè xung quanh bờ ao đảm bảo an toàn cho HS.

- Khu Nam Quan trường được xây dựng chấp vá qua nhiều thời kỳ, có nhiều hạng mục phải sửa chữa thường xuyên song kinh phí rất lại hạn chế.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại đã được trang bị tương đối đầy đủ theo quy định khi triển khai CTGDPT 2018. Nhưng bàn ghế của học sinh còn nhiều bàn ghế của 2 khu chưa đạt tiêu chuẩn.

- Bếp ăn bán trú, phòng ăn, nghỉ ngơi của học sinh chưa có để thực hiện bán trú cho HS.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường công tác tuyên truyền để quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục; tích cực thực hiện các giải pháp phòng đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

- Thực hiện tốt chủ đề năm học 2025 - 2026 do Bộ GD&ĐT phát động **“Kỷ cương - Sáng tạo – Đột phá – Phát triển”**.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục năm học linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp; đặc biệt quan tâm tới khối lớp 5; bảo đảm hoàn thành chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện hiệu quả dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh còn hạn chế về năng lực. Tổ chức tốt dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút.

+ Tổ chức thực hiện tốt tiết đọc thư viện: 100% học sinh được tham gia tiết đọc thư viện.

+ Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục tích hợp và lồng ghép: Giáo dục STEM, giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục quyền con người, giáo dục kỹ năng sống vào nội dung các môn học và hoạt động giáo dục.

+ Định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết cho học sinh trong học tập và sinh hoạt. Mỗi học sinh trở thành cá nhân có tư duy độc lập, có năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo, luôn có khát vọng vươn lên.

+ Tổ chức hiệu quả các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục NGLL đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực cho học sinh; Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho HS; Chú trọng rèn HS khả năng tự học, tự phục vụ góp phần bồi dưỡng HS năng khiếu.

+ Tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học theo các quy định của Chính phủ và của Bộ GDĐT; Huy động 100% học sinh khuyết tật ra lớp học hòa nhập; 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp và tham gia các hoạt động giáo dục.

- Tiếp tục phát huy tốt vai trò của Hội cha mẹ học sinh, vận động tài trợ để tăng cường bổ sung CSVC, mua sắm trang thiết bị Dạy - Học, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập, rèn luyện và vui chơi của học sinh.

- Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý; phát huy tối đa năng lực tự chủ, sáng tạo của Tổ khối chuyên môn và giáo viên trong mọi hoạt động.

- Đổi mới và thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ trường học; giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên; tư vấn hỗ trợ giáo viên khi có khó khăn vướng mắc một cách kịp thời.

- Triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục linh hoạt, thích ứng với điều kiện thực tế, đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng nhà trường có uy tín chất lượng theo hướng hiện đại, tiên tiến, hội nhập là niềm tin của gia đình, xã hội, làm học sinh yêu trường lớp thích đến trường, thích đi học, tự hào về nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu phẩm chất, năng lực, chất lượng các môn học và HĐGD của học sinh cuối năm học 2025-2026 theo Thông tư 27 của Bộ GDĐT (đối với lớp 1; lớp 2; lớp 3; lớp 4;lớp 5)

CHỈ TIÊU VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NĂM HỌC 2025 -2026

I. Năng lực,phẩm chất chủ yếu	Tổng g số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Ti lệ	
1.Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	435	88	80.0	90	84.9	104	75.9	70	63.6	83	73.5
Đạt	141	22	20.0	16	15.1	33	24.1	40	36.4	30	26.5
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Giao tiếp và hợp tác	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	454	92	83.6	89	84.0	104	75.9	85	77.3	84	74.3
Đạt	122	18	16.4	17	16.0	33	24.1	25	22.7	29	25.7
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	452	90	81.8	90	84.9	104	75.9	85	77.3	83	73.5
Đạt	124	20	18.2	16	15.1	33	24.1	25	22.7	30	26.5
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2.Năng lực đặc thù	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Ngôn ngữ	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	428	88	80.0	88	83.0	104	75.9	71	64.5	77	68.1
Đạt	148	22	20.0	18	17.0	33	24.1	39	35.5	36	31.9
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tính toán	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	436	93	84.5	89	84.0	104	75.9	72	65.5	78	69.0
Đạt	140	17	15.5	17	16.0	33	24.1	38	34.5	35	31.0
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tin học	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	389	88	80.0	86	81.1	69	50.4	68	61.8	78	69.0
Đạt	187	22	20.0	20	18.9	68	49.6	42	38.2	35	31.0
Cần cố gắng			0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Công nghệ	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	390	88	80.0	86	81.1	69	50.4	69	62.7	78	69.0
Đạt	186	22	20.0	20	18.9	68	49.6	41	37.3	35	31.0
Cần cố gắng	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Khoa học	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	449	90	81.8	90	84.9	113	82.5	77	70.0	79	69.9
Đạt	127	20	18.2	16	15.1	24	17.5	33	30.0	34	30.1
Cần cố gắng	0		0,0		0		0		0		0
Thẩm mĩ	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0

Tốt	452	88	80.0	90	84.9	113	82.5	78	70.9	83	73.5
Đạt	124	22	20.0	16	15.1	24	17.5	32	29.1	30	26.5
Cần cố gắng		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Thề chất	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	458	90	81.8	90	84.9	113	82.5	82	74.5	83	73.5
Đạt	118	20	18.2	16	15.1	24	17.5	28	25.5	30	26.5
Cần cố gắng		0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. Phẩm chất chủ yếu	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
Yêu nước	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	394		0.0	90	84.9	113	82.5	93	84.5	98	86.7
Đạt	72		0.0	16	15.1	24	17.5	17	15.5	15	13.3
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Nhân ái	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	395		0.0	90	84.9	113	82.5	94	85.5	98	86.7
Đạt	71		0.0	16	15.1	24	17.5	16	14.5	15	13.3
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Chăm chỉ	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	371		0.0	90	84.9	113	82.5	87	79.1	81	71.7
Đạt	95		0.0	16	15.1	24	17.5	23	20.9	32	28.3
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Trung thực	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	375		0.0	90	84.9	113	82.5	87	79.1	85	75.2
Đạt	91		0.0	16	15.1	24	17.5	23	20.9	28	24.8
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Trách nhiệm	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Tốt	373		0.0	90	84.9	113	82.5	87	79.1	83	73.5
Đạt	93		0.0	16	15.1	24	17.5	23	20.9	30	26.5
Cần cố gắng	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

I.Chất lượng văn hóa		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
1. Tiếng Việt	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	426	88	80.0	86	81.1	104	75.9	70	63.6	78	69.0
Hoàn thành	150	22	20.0	20	18.9	33	24.1	40	36.4	35	31.0
Chưa hoàn thành			0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
2. Toán	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	450	93	84.5	94	88.7	119	86.9	71	64.5	73	64.6
Hoàn thành	126	17	15.5	12	11.3	18	13.1	39	35.5	40	35.4
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
3. Đạo đức	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	467	92	83.6	91	85.8	107	78.1	92	83.6	85	75.2
Hoàn thành	109	18	16.4	15	14.2	30	21.9	18	16.4	28	24.8
Chưa hoàn thành			0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
4. Tự nhiên và Xã hội	463	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0		0.0
Hoàn thành tốt	378	90	81.8	91	85.8	107	78.1	90	81.8		0.0
Hoàn thành	85	20	18.2	15	14.2	30	21.9	20	18.2		0.0
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
5. Khoa học	113		0.0		0.0		0.0		0.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	79		0.0		0.0		0.0		0.0	79	69.9
Hoàn thành	34		0.0		0.0		0.0		0.0	34	30.1
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
6. LS &ĐL	113		0.0		0.0		0.0		0.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	77		0.0		0.0		0.0		0.0	77	68.1
Hoàn thành	36		0.0		0.0		0.0		0.0	36	31.9
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	460	92	83.6	91	85.8	115	83.9	81	73.6	81	71.7
Hoàn thành	106	18	16.4	15	14.2	22	16.1	19	17.3	32	28.3
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	444	90	81.8	90	84.9	109	79.6	78	70.9	77	68.1
Hoàn thành	132	20	18.2	16	15.1	28	20.4	32	29.1	36	31.9

Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
9. Hoạt động trải nghiệm	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	461	89	80.9	90	84.9	112	81.8	88	80.0	82	72.6
Hoàn thành	115	21	19.1	16	15.1	25	18.2	22	20.0	31	27.4
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
10. Giáo dục thể chất	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	462	90	81.8	90	84.9	115	83.9	83	75.5	84	74.3
Hoàn thành	114	20	18.2	16	15.1	22	16.1	27	24.5	29	25.7
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
11. TH-CN (Công nghệ)	360		0.0		0.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	207		0.0		0.0	69	50.4	65	59.1	73	64.6
Hoàn thành	206		0.0		0.0	68	49.6	65	59.1	73	64.6
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
12. TH-CN (Tin học)	360		0.0		0.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	207		0.0		0.0	69	50.4	68	61.8	70	61.9
Hoàn thành	153		0.0		0.0	68	49.6	42	38.2	43	38.1
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
13. Ngoại ngữ	360		0.0		0.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
Hoàn thành tốt	161		0.0		0.0	60	43.8	50	45.5	51	45.1
Hoàn thành	189		0.0		0.0	77	56.2	50	45.5	62	54.9
Chưa hoàn thành	0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0
II. KQGD	576	110	100.0	106	100.0	137	100.0	110	100.0	113	100.0
- Hoàn thành xuất	149	27	24.5	26	24.5	57	41.6	19	17.3	20	17.7
- Hoàn thành tốt	254	63	57.3	62	58.5	51	37.2	33	30.0	45	39.8
- Hoàn thành	173	20	18.2	18	17.0	29	21.2	58	52.7	48	42.5
- Chưa hoàn thành	0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
III. Khen thưởng	347	62	56.4	57	53.8	92	67.2	64	58.2	72	63.7
- Giấy khen cấp trường	219	35	31.8	33	31.1	59	43.1	43	39.1	49	43.4
- Giấy khen cấp trên	128	27	24.5	24	22.6	33	24.1	21	19.1	23	20.4
IV. Chương trình lớp học	588			107	100	137	100	110	100	113	100
Hoàn thành	588			107	100	137	100	110	100	113	100

Kết quả cuối năm học: $576/576 = 100\%$ học sinh hoàn thành chương trình các môn học và đạt yêu cầu về phát triển năng lực và phẩm chất theo quy định tại Thông tư

27 (Đối với lớp 1;2;3;4). $113/113 = 100\%$ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

2.2 Chỉ tiêu về khen thưởng và các hoạt động phát triển năng lực đặc biệt

+ Khen thưởng $347/576 = 60\%$ số học sinh được khen thưởng về các thành tích trong học tập và rèn luyện. Phần đầu có 25 học sinh đạt giải các hội thi cấp tỉnh.

+ Viết chữ đúng và đẹp: 135 học sinh đạt giải viết chữ đúng và đẹp cấp trường; phần đầu 30 học sinh đạt giải cấp huyện; 02 học sinh đạt giải cấp tỉnh.

+ Hùng biện Tiếng Anh: 7 học sinh đạt giải cấp trường; 01 học sinh đạt giải cấp tỉnh;

+ Thể dục thể thao các môn điền kinh: 10 học sinh đạt giải cấp trường ; 2 học sinh đạt giải cấp tỉnh.

+ Trạng nguyên Tiếng Việt cấp trường 45 học sinh, cấp tỉnh 20 học sinh, **2.3. Chỉ tiêu về các hoạt động giáo dục**

- Tăng cường GDKNS, dạy học phân hóa kết hợp với HDH cho học sinh chưa hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện để đảm bảo yêu cầu về phẩm chất, năng lực. Không có học sinh chưa đạt yêu cầu về phẩm chất, năng lực.

- Tổ chức, tạo cơ hội để học sinh được tham gia vào tất cả các cuộc thi, liên hoan, giao lưu phát triển năng khiếu, năng lực tạo sân chơi cho học sinh: trạng nguyên Tiếng Việt, olympic tiếng Anh, hùng biện tiếng Anh, Thể dục thể thao (chạy, bật xa, cờ vua, bóng bàn), giải bóng đá mini, viết chữ đúng và đẹp,

- Có khoảng 50% học sinh trở lên tham gia hoạt động giáo dục theo nhu cầu.

- Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tăng cường dạy học phân hóa kết hợp với phụ đạo thêm cho học sinh có khó khăn về nhận thức, về hoàn cảnh gia đình, học sinh khuyết tật vào giờ tự học. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật được giúp đỡ riêng, phụ đạo thêm giờ để học sinh hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện và đảm bảo đạt các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, 100% có sự tiến bộ so với bản thân.

- Hoạt động trải nghiệm: Đảm bảo đủ 105 tiết hoạt động trải nghiệm cho các khối 1, khối 2 ; khối 3 , khối 4, khối 5. Trong đó dành 35 tiết sinh hoạt dưới cờ, 35 tiết sinh hoạt lớp, 10-15 tiết dành giáo dục địa phương, còn lại tổ chức sinh hoạt theo chủ điểm quy mô khối lớp, quy mô trường và tổ chức hoạt động thăm quan, dã ngoại với khối 1,2,3,4, dạy lồng ghép GD địa phương, giáo dục an ninh- quốc phòng, chủ điểm vào sinh hoạt lớp).

- Hoạt động ngoài giờ chính khóa như tham quan, dã ngoại Tăng cường thời lượng, đa dạng các hình thức và nội dung hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa theo hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học như hoạt động nghệ thuật; thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, đọc sách, lao động công ích, tự học,..

Ngoài 1 tiết/ tuần đọc sách được bố trí trong thời khóa biểu, bố trí thêm cho học sinh đọc sách tại trường sau giờ học chính khóa. Phần đầu 100% học sinh tham gia hoạt động đọc sách nhà trường, giáo viên tổ chức, có khoảng 50% học sinh có thói quen đọc sách hàng ngày.

Mỗi khối 1 năm dạy 8 chủ đề giáo dục STEM: GV văn hóa các khối lớp 8 bài học Stem/1

năm; Giáo viên Tin học, Công nghệ: 4 bài học Stem/1 năm. Các chủ đề được tích hợp vào các môn học: môn Toán, Khoa học lớp 4, 5; môn Tự nhiên xã hội lớp 1, 2, 3; môn Công nghệ 3; Môn Tin học, công nghệ 3,4,5. Cụ thể:

Phần đầu $588/588=100\%$ học sinh được tham gia hoạt động ngoài giờ chính khóa tại nhà trường.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

Tổ chức dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học. Thực hiện dạy học lớp 1,2,3,4,5 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện đảm bảo học sinh được học 9 buổi/ tuần, 2 buổi/ngày và không quá 7 tiết/ngày.

Thực hiện dạy tích hợp GDATGT vào các môn học theo công văn số 1362 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của BGDĐT-TH về việc hướng dẫn tổ chức GD ATGT cấp tiểu học và CV số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 5 tháng 8 năm 2025 của Bộ giáo dục thực hiện tốt hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo CTGDPT cấp tiểu học phù hợp với điều kiện đội ngũ, CSVN, thiết bị dạy học theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục. Thực hiện tốt 2 buổi/ ngày góp phần phát triển toàn diện phẩm chất , năng lực học sinh. Đồng thời tích hợp GD địa phương vào các môn học theo CTGDPT2018 đối với lớp 1,2,3 ,4,5. Thực hiện theo công văn số 723/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2023-2024

Duy trì và nâng cao hiệu quả của các tiết văn hóa đọc, đọc sách tại thư viện lớp, thư viện nhà trường.

Để luôn linh hoạt, chủ động thích ứng với dịch bệnh, thiên tai,... nên mỗi GV thực hiện từ 2 đến 5% thời lượng tổ chức dạy trực tuyến.

Dạy trực tuyến ở đây đó chính là sử dụng giáo án điện tử, bài giảng điện tử, thiết bị dạy học số, giao bài tập, nhận xét bài qua ứng dụng Zalo, Zoom , chia sẻ với CMHS về tình hình học tập hoặc là với dự kiến vào môn học gì, bài nào, thời điểm giữa tuần hay cuối tuần thế nào cho phù hợp. Đó là sự linh hoạt , cách thức của mỗi GV.

Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Phụ lục 1.1 kèm theo)

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục[illegible]

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Thán g	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2025	- Mái trường mến yêu - Vui tết trung thu	Giới thiệu về trường, lớp Làm quen với bạn bè, thầy cô. -Trải nghiệm ngày tết trung thu.	Trải nghiệm tập thể	Sáng ngày Thứ hai Ngày 6/9/2025 (1 tiết trải nghiệm) 4T TN sáng thứ 2 ngày (06/10)	GVCN Tổng PT, Đoàn viên	BGH, GV chuyên, nhân viên và CMHS
10/2025	An toàn trường học	Hướng dẫn học sinh ATGT, an toàn khi sử	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề toàn	Tiết SHTT sáng thứ hai ngày	TPT Đội	Công an xã, nhân viên y tế, Chi đoàn TNCS HCM,

		dụng điện, an toàn khi vui chơi, ăn uống vệ sinh và phòng chống bạo lực, xâm hại.	trường	13/10/2025		BCH Công Đoàn
11/2025	Nhớ ơn thầy cô	Thi viết, vẽ, văn nghệ về thầy cô giáo	Chuẩn bị theo đơn vị lớp, chăm, trung bày, biểu diễn theo điểm trường.	Chiều thứ 5 4T HĐTN	GVCN Tổng PT, Đoàn viên	BCH Chi Đoàn, BCH Công đoàn, CMHS; Ban xây dựng VHĐ, GV MT, AN
12/2025	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức cho học sinh thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ; chăm sóc và viếng nghĩa trang liệt sĩ.	Tổ chức theo đơn vị lớp	Sáng thứ 2 (SHDC) ngày 15/12/2025	TPT	TPT Đội, Chi Đoàn, BGH, CMHS, Hội Cựu chiến binh xã, CMHS
02/2026	Ngày tết quê em	Sơ kết học kỳ I, Tổ chức cho học sinh thực hành, trải nghiệm một số hoạt động của ngày tết Nguyên Đán.	Hoạt động tập trung toàn trường	Sáng thứ tư 10/02	GVCN Tổng PT, Đoàn viên	Toàn bộ GV, NV và CMHS
3/2026	Mừng Ngày Quốc tế phụ nữ	Thi viết, vẽ về chủ đề bình đẳng giới Tổ chức làm thiệp và viết lời tri ân gửi đến người phụ nữ trong gia	Tổ chức theo đơn vị lớp	Phát động HS tự làm từ ngày 02/3 đến 07/3/2025 -Tổ chức SHTT vào tiết sáng	TPT, ĐTN	GVCN, TPT Đội, Chi Đoàn.

		đình.		thứ bảy 07/3.		
4/2026	Hưởng ứng Ngày sách VN	Tổ chức các hoạt động giới thiệu sách, giao lưu chia, đọc sách cùng người thân trong GD. Triển lãm STEM	Theo điểm trường	Tiết SHDC sáng thứ bảy 18/4/2026 theo các gian hàng	Ban xây dựng VHĐ	Toàn bộ CB, GV, VN và CMHS
5/2026	Nhớ ơn Bác Hồ	Thi kể chuyện về Bác Hồ	Kết hợp với tổng kết năm học	Tiết SHDC sáng thứ hai 18/5	TPT Đội	Toàn bộ CB, GV, NV và đại diện CMHS, Đoàn xã

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

Chương trình ngoài giờ chính khóa được tổ chức phân hóa theo nhu cầu, sở thích, năng lực của từng học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm giúp thực hiện mục tiêu GD của trường. Nội dung và hình thức hoạt động ngoài giờ chính khóa gồm:

Phụ lục 1.3

2.2.1. Nội dung bổ trợ cho chương trình chính khóa.

GV bồi dưỡng cho HS có năng khiếu Văn thể mỹ ngay trong tiết học và các hoạt động ngoài giờ.

2.2.2. Nội dung bổ trợ cho chương trình ngoài giờ chính khóa.(Nếu được SGD chỉ đạo và UBND tỉnh cho thu kinh phí tổ chức.)

	Nội dung	Số tiết	Đối tượng, quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	KNS	6tiết/tuần	HS toàn trường có nguyện và đăng ký tham gia	3 Tiết buổi chiều thứ 6, tuần 1,4. Và tiết cuối của buổi chiều thứ 2,3,4,5	Tại lớp	
3	TDTT(Nghệ thuật)	3tiết/tuần	HS các khối đăng kí tham gia	Tiết cuối buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 5 trong tuần và buổi chiều thứ 6.	Tại phòng học bộ môn, sân tập	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường.

- Thực hiện các môn học, các hoạt động trải nghiệm/HĐGD bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo đó là lớp 1,2,3,4,5 thuộc chương trình GDPT 2018 (Khối 1,2: 25 tiết; khối 3: 28 tiết; khối 4: 30 tiết; khối 5: 30 tiết)

+ Thực hiện chương trình môn Tiếng Anh theo chương trình (4 tiết/tuần) của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho học sinh lớp 5.

+ Dạy Tin học cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 (1 tiết/ tuần) ; Công nghệ 1 tiết/ tuần đối với lớp 3,4,5.

+ Cùng cố giúp học sinh hoàn thành các nội dung học tập, Tự học có hướng dẫn của GV cho lớp 1,2 với thời lượng 7 tiết /tuần, lớp 3 thời lượng 4 tiết/tuần; lớp 4, 5 với thời lượng 2 tiết/ tuần

3.1. Kế hoạch dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục theo khối lớp

3.1.1. Khối lớp 1

- Số tiết học/ hoạt động trải nghiệm chính khóa theo quy định: 25

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Cùng cố các môn học chính khóa (3 tiết), Đọc sách thư viện (1 tiết), Tự học có hướng dẫn của giáo viên (2 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái	ĐHSP
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy	ĐHSP
4	TN&XH 1	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP
5	GDTC 1	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP
6	Âm nhạc 1	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường	GDVN
8	HĐTN 1	Nguyễn Đức Quang	ĐHSP

3.1.2. Khối lớp 2

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 25

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Cùng cố các môn học chính khóa (3 tiết), Đọc sách thư viện (1 tiết), Tự học có hướng dẫn của giáo viên (2 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 2	Lê Anh Vinh	GDVN
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	TN&XH 2	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	GDTC 2	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long	GDVN

7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên	GDVN
8	HĐTN 2	Lưu Thu Thủy	GDVN

3.1.3. Khối lớp 3

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 28
- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Củng cố các môn học chính khóa (2 tiết), Đọc sách thư viện (1 tiết), Tự học có hướng dẫn của giáo viên (1 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 3	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan.	GDVN
4	TN&XH 3	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	GDTC 3	Nguyễn Duy Quyết .	GDVN
6	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
7	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
8	HĐTN 3	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
10	Tin học 3	Nguyễn Chí Công	GDVN
11	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GD&ĐT
13	Giáo dục địa phương 3	TL biên soạn của Tỉnh	

3.1.4. Khối lớp 4

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 30
- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Củng cố các môn học chính khóa (1 tiết), Đọc sách thư viện (1 tiết)

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 4	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý	Vũ Minh Giang	GDVN
6	GDTC 4	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	HĐTN 4	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN

11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GD&ĐT
14	Giáo dục địa phương 4	Tỉnh biên soạn	

3.1.5. Khối lớp 5

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 30
- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: đọc sách thư viện (1 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 5	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý	Vũ Minh Giang	GDVN
6	GDTC 5	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	HĐTN 5	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GD&ĐT
14	Giáo dục địa phương 4	Tỉnh biên soạn	

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025- 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Đối với các lớp 1,2,3,4,5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần.

Khung thời gian năm học

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục tiểu học, cụ thể:

Các hoạt động giáo dục		Thời gian thực hiện Lịch sở	Thời gian thực hiện Lịch trường
Ngày tựu trường - Lớp 1 - Các lớp còn lại		22/8/2025 (Thứ 6) 29/8/2025 (Thứ 6)	22/8/2025 (Thứ 6) 29/8/2025 (Thứ 6)
Ngày khai giảng		05/9/2025 (Thứ 6)	05/9/2025 (Thứ 6)
Học kì I	08/9/2025 (Thứ 2)	08/9/2025 (Thứ 2)	08/9/2025 (Thứ 2)
	Trước ngày 18/01/2025 (Chủ nhật)	Trước ngày 18/01/2025	Trước ngày 11/01/2025 (Chủ nhật)
Học kì II	20/01/2025 (Thứ 2)	13/01/2025 (Thứ 2)	12/01/2025 (Thứ 2)
	Trước ngày 24/5/2025	Trước ngày 17/5/2025 (Thứ 7)	Trước ngày 19/5/2025 (Chủ nhật)
Ngày kết thúc năm học		Trước 31/5/2026 (Chủ nhật)	

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, các ngày nghỉ khác vì lí do bất khả kháng nếu có nhà trường có kế hoạch học bù

(Phụ lục kèm theo)

Thời gian biểu hoạt động trong ngày

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h25 – 7h35	10 phút	Truy bài	
	7h35- 8h10	35 phút	Tiết 1	
	8h10-8h15	5 phút	Chuyển tiết	
	8h15- 8h50	35 phút	Tiết 2	
	8h50 - 9h10	20 phút	Ra chơi	
	9h10 - 9h15	5 phút	GV di chuyển về lớp	
	9h15- 9h50	35 phút	Tiết 3	
	9h50- 9h55	5 phút	Chuyển tiết	
	9h55- 10h30	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	14h - 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h 35- 14h40	5 phút	Chuyển tiết	
	14h40-15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15-15h35	20 phút	Ra chơi	
	15h35-15h40	5 phút	GV di chuyển về lớp	

	15h40-16h15	35 phút	Tiết 7	
	16h15- 17h 00	45 phút	TĐTT, Kỹ năng sống.	Tan học buổi chiều

Mùa đông

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h25 – 7h35	10 phút	Truy bài	
	7h35- 8h10	35 phút	Tiết 1	
	8h10-8h15	5 phút	Chuyển tiết	
	8h15- 8h50	35 phút	Tiết 2	
	8h50 - 9h10	20 phút	Ra chơi	
	9h10 - 9h15	5 phút	GV di chuyển về lớp	
	9h15- 9h50	35 phút	Tiết 3	
	9h50- 9h55	5 phút	Chuyển tiết	
	9h55- 10h30	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	14h - 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h 35- 14h40	5 phút	Chuyển tiết	
	14h40-15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15-15h35	20 phút	Ra chơi	
	15h35-15h40	5 phút	GV di chuyển về lớp	
	15h40-16h15	35 phút	Tiết 7	
	16h15- 17h 00	45 phút	TĐTT, Kỹ năng sống.	Tan học buổi chiều

Tại trường Tiểu học Nam Lợi thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

4.1. Đối với lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 1.

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học .(thực hiện tương tự như đối với khối lớp1).

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 2

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học .

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 3

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học .

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 4

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

(Phụ lục 1.4 kèm theo).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 5

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tu sửa, bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học.

- Tiết kiệm chi ngân sách, kêu gọi tài trợ để mua sắm bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học cho các phòng học, phòng học bộ môn, ưu tiên cho các lớp 1;2;3,4,5.

- Phát động và tổ chức cho giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học số. Đồng thời xây dựng kế hoạch sử dụng đồ dùng dạy học cho từng môn học.

2. Chủ động kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển hàng năm, tham mưu với Phòng GD&ĐT để có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định.

- Tiếp tục động viên quan tâm giáo viên đi học nâng cao trình độ đào tạo theo lộ trình đã xây dựng.

- Phát huy nội lực, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Chú trọng tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.

3.1 Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

+ Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; khuyến khích cán bộ, giáo viên đề xuất các biện pháp, sáng kiến trong dạy và học.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

+ Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào các hội thảo chuyên môn, các cuộc thi, giao lưu về chuyên môn để học hỏi.

3.2 Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

a. Đổi mới phương pháp dạy học:

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; dạy phân hóa, dạy học cá thể, dạy ngoài trời, dạy bằng trải nghiệm, ứng dụng CNTT, AI ... Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các mô hình, các phương pháp dạy học tích cực một cách linh hoạt, phù hợp và hiệu quả.\

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

- Triển khai dạy học môn Tiếng Anh đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh, trong đó tập trung phát triển hai kỹ năng nghe và nói. Tạo môi trường ngôn ngữ thuận lợi, tạo cơ hội để học sinh được thể hiện khả năng tiếng Anh được học qua Hội thi hùng biện tiếng Anh cấp huyện, tỉnh; ngày hội tiếng Anh của trường, đọc sách tiếng Anh, dẫn chương trình bằng tiếng Anh, thi Olympic tiếng Anh.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Công văn 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về tổ chức dạy học môn Tin học Cụ thể: Dạy tin học, công nghệ cho 100% học sinh lớp 3,4,5. Đẩy mạnh các hoạt động câu lạc bộ STEM, AI để học sinh được tiếp cận, hình thành các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập.

b. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống:

Thực hiện dạy học gắn kết giữa lý thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, ANQP, Công dân số, nhân cách; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông; ...

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích

- Thông tư số 590/SGDĐT-CTHSSV, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở giáo dục về triển khai kỹ năng sống kỹ năng sống cho HS.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác

các tư liệu, tranh ảnh... vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

c. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học. Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; sử dụng học bạ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi quá trình học tập của học sinh; bảo mật và lưu trữ an toàn dữ liệu.

3.3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

Thông tư số 590/SGDĐT-CTHSSV, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở giáo dục về triển khai kỹ năng sống kỹ năng sống cho HS.

Nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lý học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp... Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá,

thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

4. Coi trọng việc phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, CMHS trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tuyên truyền tích cực về đổi mới giáo dục nói chung, kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để các cộng đồng nhận thức đúng và đồng thuận.

- Làm tốt công tác dân vận để đảm bảo quy mô phát triển hợp lý giữa 2 điểm trường.

- Tạo nhiều cơ hội để các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng tham gia vào việc giáo dục học sinh.

5. Luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tạo cơ chế hợp lý để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các mô hình, các phương pháp dạy học tích cực một cách linh hoạt, phù hợp và hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường phân cấp quản lý, cấp trên không làm thay nhiệm vụ cấp dưới và ngược lại.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện nội dung các công việc được giao và chủ động thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đọc sách, cơ chế khen thưởng hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.

Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh, kỹ năng sống.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục. Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.

Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

2. Phó Hiệu trưởng

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động

khác có liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Duyệt các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học. Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

Tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

Tổ chuyên môn sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn. (Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các thành viên trong tổ qua SHCM với thời lượng 2 lần/ tháng).

4. Tổng phụ trách Đội

Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.

Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch của tổ khối chuyên môn để xây dựng kế hoạch cho cá nhân.

Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

6. Nhân viên Thư viện

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị. Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tổ chức Ngày hội đọc sách.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Nam Lợi, xã Nam Ninh. Nhà trường yêu cầu tổ khối chuyên môn, giáo viên, nhân viên nghiên cứu thực hiện./

Nơi nhận:

- Sở GDĐT
- UBND xã Nam Ninh
- HT, PHT (chỉ đạo thực hiện)
- Ban Đại diện cha mẹ HS (phối hợp)
- GV,NV,HS (thực hiện)
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Minh Hương